TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 9 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Thanh Phong.

Bà Ngô Hồng Dưỡng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trương Bảo Â, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: Ấp E, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Số E, ấp E, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước số 077088004575, cấp ngày 13/4/2021 (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Yến N, sinh năm 1999. Địa chỉ cư trú: Ấp Thị Tường A, xã H, tỉnh Cà Mau. Căn cước số 096199008325, cấp ngày 13/4/2021 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của anh Trương Bảo Â, thể hiện*:

Anh Â và chị Nguyễn Yến N chung sống với nhau vào năm 2022, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh). Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến đã sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay. Từ nguyên nhân trên, anh Â xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 01 người con tên Trương Văn Minh Q, sinh ngày 17/11/2022 do anh Â nuôi dưỡng từ khi ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, anh Â yêu cầu được tiếp tục nuôi Minh Q, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ và các vấn đề khác: Không có.

** Đối với chị Nguyễn Yến N*: Mặc dù đã được tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng chị N không có ý kiến gì về các nội dung anh Â yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trương Bảo Â có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Yến N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh Trương Bảo Â và chị Nguyễn Yến N chung sống với nhau vào năm 2022, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã H, Thành phố Hồ Chí Minh). Theo anh Â, khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến đã sống ly thân từ tháng 8/2024 cho đến nay, do đó, anh Â xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với chị N; chị N không có ý kiến gì về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của anh Â.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng: Hôn nhân của anh Â và chị N có đăng ký kết hôn hợp pháp nên được pháp luật tôn trọng và bảo vệ; tuy nhiên, anh Â yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử chị N đều vắng mặt, thể hiện việc chị N không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thật sự trầm trọng và không thể hàn gắn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Â ly hôn với chị N là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn của anh Â, thấy rằng: Hiện nay, Trương Văn Minh Q do anh Â trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay và cháu Minh Q đang học tại Trường Mầm non V - thuộc xã V, Thành phố Hồ Chí Minh; trong khi chị N không có ý kiến gì về yêu cầu này của anh Â; do vậy, để ổn định trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cần tiếp tục giao Minh Q cho anh Â nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Â không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản: Anh Â xác định tự thỏa thuận, về nợ và các vấn đề khác: Anh Â xác định không có; chị N không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các nội dung này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Â phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Bảo Â. Cho anh Â được ly hôn với chị Nguyễn Yến N (giấy chứng nhận kết hôn số 168 ngày 02/11/2022 của UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu).

2. Về con chung: Giao Trương Văn Minh Q, sinh ngày 17/11/2022 cho anh Trương Bảo Â tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra; chị Nguyễn Yến N có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trương Bảo Â phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); đối trừ số tiền nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai số 0012046 ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau thì anh Â đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã Hòa Hội, TP Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn